

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN

**PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ
BẰNG TOÀ ÁN Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2022

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Vũ Thị Hương**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	6
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	6
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài	7
7. Kết cấu của luận văn.	7
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ BẰNG TOÀ ÁN Ở VIỆT NAM.....	8
1.1. Khái quát chung về đầu tư và các hình thức đầu tư.....	8
1.1.1. Khái niệm về đầu tư	8
1.1.2. Các hình thức đầu tư hiện nay.....	8
1.2. Pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Tòa án	9
1.2.1. Khái niệm, đặc điểm về giải quyết tranh chấp đầu tư.....	9
1.2.2. Khái niệm, đặc điểm pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Tòa án	9
1.2.3. Một số loại tranh chấp và cơ sở phát sinh tranh chấp trong hoạt động đầu tư	10
1.3. Nội dung pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Tòa án.....	10
1.3.1. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp đầu tư của Tòa án	10
1.3.2. Pháp luật áp dụng để giải quyết các tranh chấp đầu tư	11
Kết luận chương 1	12
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ BẰNG TOÀ ÁN VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI VIỆT NAM...12	12
2.1. Thực trạng thẩm quyền và thực tiễn thực hiện thẩm quyền của Tòa án Việt Nam giải quyết tranh chấp đầu tư.....	12
2.1.1. Đối với tranh chấp giữa các nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam.	12
2.1.2. Tranh chấp giữa các nhà đầu tư trong đó có ít nhất một bên là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế.	13
2.1.3. Tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam.	13
2.2. Thực trạng pháp luật áp dụng và thực tiễn thực hiện pháp luật để giải quyết các tranh chấp đầu tư.....	14

2.2.1. Đối với trường hợp nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế khởi kiện cơ quan nhà nước	14
2.2.2. Đối với trường hợp nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện chính phủ Việt Nam.....	14
2.2.3. Đối với trường hợp ký kết các hợp đồng đầu tư giữa nhà đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tranh chấp giữa các nhà đầu tư với nhau mà trong đó có ít nhất một bên tham gia là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư	15
2.3. Đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Tòa án	16
2.3.1. Ưu điểm.....	16
2.3.2. Nhược điểm	16
Kết luận chương 2	18
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ BẰNG TOÀ ÁN Ở VIỆT NAM.....	18
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng toà án.....	18
3.1.1. Quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước	18
3.1.2. Đáp ứng yêu cầu thực tiễn hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Tòa án	19
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng toà án	21
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Tòa án	21
3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Tòa án ở Việt Nam	22
Kết luận chương 3	22
KẾT LUẬN	24
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	24

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ký kết Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA) (Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA) chính thức được tách thành hai Hiệp định là Hiệp định thương mại (EVFTA) và *Hiệp định bảo hộ đầu tư (EVIPA)*) đã mang lại cho Việt Nam nhiều cơ hội để thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Cùng với đó, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang tác động mạnh mẽ đến đầu tư, sản xuất, kinh doanh, phát triển công nghệ, nguồn nhân lực. Do đó, việc phải có định hướng khung chính sách, thể chế về đầu tư nước ngoài trong tình hình mới là cấp thiết. Thời gian tới, Việt Nam cần xây dựng chiến lược và ban hành các cơ chế chính sách thu hút đầu tư, với kỹ năng lao động, quản trị tốt hơn, mức lương tốt hơn, tiêu chuẩn chất lượng cao hơn, vừa nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp đầu tư lẫn doanh nghiệp trong nước và liên kết được 2 khối này với nhau. Thu hút đầu tư được hiểu là kêu gọi và hợp tác đầu tư với các doanh nghiệp nước ngoài có công nghệ cao, tập trung nghiên cứu và phát triển, năng lực quản trị hiện đại, mang lại giá trị gia tăng cao cho kinh tế Việt Nam và liên kết, hợp tác với doanh nghiệp trong nước,... Mặc dù CPTPP và EVFTA hứa hẹn mang đến cho Việt Nam nhiều thuận lợi cho các dòng vốn đầu tư từ các nước Châu Âu, Nhật Bản, Singapore,... Tuy nhiên, thực tế hiện nay Việt Nam chiếm tỷ trọng nhỏ trong việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, hoạt động đầu tư từ các doanh nghiệp Châu Âu vào Việt Nam còn dè dặt chưa tạo được bước đệm đột phá trong việc thu hút đầu tư. Nguyên nhân của tình trạng này một phần do cơ chế, chính sách pháp luật đầu tư của Việt Nam còn tồn tại nhiều bất cập, pháp luật Việt Nam về giải quyết các tranh chấp đầu tư còn chưa thích ứng với sự phát triển trong khu vực và thế giới.

Các hoạt động đầu tư ngày càng phát triển kéo theo đó là các tranh chấp phát sinh, việc giải quyết tranh chấp đầu tư tương đối phức tạp kể cả trong việc xác định cơ chế giải quyết tranh chấp cũng như việc áp dụng pháp luật để giải quyết tranh chấp. Luật Đầu tư năm 2020, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ra đời được kỳ vọng sẽ trở thành một khung pháp lý mang hướng “tiêu chuẩn” để minh định rõ ràng mục tiêu thu hút đầu tư mà Việt Nam đã đề ra, đánh dấu những thay đổi tích cực trong việc đảm bảo hệ thống pháp luật thu hút đầu tư cũng như có các sửa đổi quan trọng trong việc giải quyết tranh chấp đầu tư khắc phục được một số bất cập của các văn bản pháp luật trước đây. Tuy nhiên, pháp luật Việt

Nam về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Toà án thực sự vẫn còn nhiều bất cập cả về lý luận và thực tiễn cần phải có những sửa đổi, bổ sung hoàn thiện đáp ứng tình hình thực tiễn cũng như các cam kết quốc tế của Việt Nam hiện nay.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu đề tài “*Pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng toà án ở Việt Nam*” nhằm đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam về giải quyết các tranh chấp đầu tư từ đó đưa ra các kiến nghị, giải pháp hoàn thiện pháp luật giúp đẩy mạnh việc thu hút đầu tư mang tính cấp thiết trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu

Liên quan đến đề tài nghiên cứu, có một số công trình nghiên cứu như sau:

- Luận án “*Đánh giá tác động dự kiến của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Thị Minh Phương, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận án tập trung vào các vấn đề: i) xây dựng khung phân tích tác động của Hiệp định thương mại tự do đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các nước thành viên, bao gồm các kênh tác động, các yếu tố quyết định tác động và tác động tổng thể của FTA đối với FDI; ii) đánh giá tác động của EVFTA đến FDI nói chung vào Việt Nam dựa trên khung phân tích tác động và phỏng vấn chuyên gia. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng EVFTA có cả tác động tích cực và tiêu cực đến dòng vốn FDI vào Việt Nam. Một mặt, EVFTA làm gia tăng số lượng FDI từ cả các đối tác trong và ngoài EU; cải thiện chất lượng dòng vốn FDI; nâng cao vị thế và mức độ tham gia của Việt Nam vào chuỗi giá trị khu vực; cải thiện cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại; tăng cường tính liên kết giữa các doanh nghiệp và thúc đẩy tác động lan tỏa của dòng vốn FDI. Luận án cũng nhận diện được các ngành, phân ngành có cơ hội thu hút FDI nhiều nhất nhờ các cam kết trong EVFTA. Mặt khác, EVFTA có thể làm giảm FDI theo chiều ngang từ EU và sự gia tăng FDI từ EU có thể không chắc chắn do chịu tác động từ các yếu tố bên ngoài như khủng hoảng kinh tế, triển vọng ký kết FTA giữa EU với các nước ASEAN khác và dịch COVID-19. EVFTA cũng tạo ra áp lực và chi phí liên quan tới cạnh tranh và cải cách thể chế, chính sách đối với Việt Nam. Nếu không có sự điều chỉnh chính sách thu hút FDI một cách hợp lý thì trên thực tế Việt Nam khó có thể thu hút được dòng vốn FDI chất lượng cao và phần lớn lợi ích từ FTA có thể rơi vào các doanh nghiệp của một nước thứ ba. Sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ và khoảng cách địa lý cũng là những yếu tố gây cản trở đối với FDI từ EU vào Việt Nam. Luận án cũng chỉ ra rằng trong ngắn hạn các cam kết về thuế quan và dịch vụ là các kênh tác động chính của EVFTA đến FDI vào Việt Nam. Tuy nhiên, trong dài

hạn việc cải cách về thể chế, chính sách và cải thiện môi trường đầu tư mới là kênh tác động chính trong dài hạn và có tác động quan trọng trong việc cải thiện chất lượng dòng vốn FDI vào Việt Nam; iii) xác định các yếu tố nước chủ nhà tác động đến đầu tư của EU sang các nước đang phát triển; từ đó đưa ra dự báo tác động của EVFTA đối với FDI từ EU vào Việt Nam. Kết quả từ mô hình kinh tế lượng chỉ ra rằng việc cùng tham gia FTA, quy mô thị trường nội địa và khu vực của nước chủ nhà cũng như FDI sẵn có là những yếu tố quan trọng khi các nhà đầu tư EU quyết định đầu tư sang các nước đang phát triển. Điều này cho thấy triển vọng thu hút FDI từ EU có nhiều thuận lợi trong bối cảnh Việt Nam đã ký kết FTA với EU, nền kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao, đồng thời Việt Nam đã và đang tích cực tham gia vào rất nhiều FTA song phương và đa phương khiến quy mô thị trường khu vực mà nhà đầu tư EU có thể tiếp cận thông qua đầu tư vào Việt Nam được gia tăng đáng kể. Tuy nhiên, với quy mô nền kinh tế nhỏ hơn nhiều nước ASEAN khác đang đàm phán FTA với EU, Việt Nam cần nhanh chóng tận dụng các cơ hội mà EVFTA mang lại trước khi các lợi thế bị triệt tiêu; iv) chỉ ra các cơ hội và thách thức, từ đó đưa ra một số hàm ý chính sách để Việt Nam có thể tận dụng các cơ hội và hạn chế các thách thức từ EVFTA trong thu hút dòng vốn FDI vào Việt Nam.

- Luận án tiến sĩ Luật học “*Lý luận và thực tiễn giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và quốc gia tiếp nhận đầu tư: Áp dụng đối với Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay*” của tác giả Trần Thị Hồng Nhung, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2019. Luận án chỉ ra những vấn đề khi giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và Việt Nam trong quá trình thực thi các cam kết về ISDS trong các FTAs đó

i) Phân tích thực tiễn ISDS của Việt Nam trong thời gian qua;

ii) Đề xuất hệ thống các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết loại hình tranh chấp này trong điều kiện thực thi cam kết ISDS trong các FTAs thế hệ mới hiện nay của Việt Nam.

- Luận văn, “*Pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ Việt Nam trong bối cảnh Việt Nam gia nhập các hiệp định tự do thương mại thế hệ mới*”, của tác giả Hoàng Anh Tuấn, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2018; Luận văn, *Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế bằng trọng tài ICSID và kinh nghiệm cho Việt Nam*, của tác giả Trần Ngọc Thuý, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2019; Luận văn, *Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và quốc gia tiếp nhận đầu tư theo Hiệp định thương mại tự do Việt*

Nam-EU và một số kiến nghị cho Việt Nam, của tác giả Vũ Hồng Cường, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2020;...

Các công trình Luận văn nêu trên chủ yếu nghiên cứu về cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư giữa nhà đầu tư nước ngoài với Chính phủ nước tiếp nhận đầu tư theo quy định của các điều ước quốc tế hoặc nghiên cứu cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế bằng trọng tài đầu tư ICSID,... chứ không đi vào nghiên cứu quy định của pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp đầu tư.

Ngoài ra, liên quan đến đề tài nghiên cứu còn có một số bài báo, tiêu biểu phải kể đến:

- Đỗ Việt Anh Thái, *Giải quyết tranh chấp về đầu tư giữa Chính phủ và nhà đầu tư nước ngoài*, Tạp chí Khoa học Pháp lý, số 04 (71)/2012, tr.49-54;

- Lê Đức Ngọc, *Giải quyết tranh chấp đầu tư – những vấn đề đặt ra đối với Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư*, <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210828>, truy cập ngày 10/01/2022

- Nguyễn Thị Nhung, “*EVFTA, EVIPA và cơ chế giải quyết tranh chấp*”, <https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-phap-luat/evfta-evipa-va-co-che-giai-quiet-tranh-chap-318992.html>, truy cập ngày 20 tháng 01 năm 2022.

- Nguyễn Minh Hằng (2012), “*Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và chính phủ nước tiếp nhận đầu tư - Một vài suy nghĩ đối với Việt Nam*”, Tạp chí Luật học, Số đặc san Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế, Trang 87-93.

- Nguyễn Thị Anh Thơ, *Cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên*, <http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210433>, truy cập ngày 21/01/2022;...

Các bài báo nêu trên phân tích các quy định của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP và EVIPA về cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế giữa nhà đầu tư nước ngoài với quốc gia tiếp nhận đầu tư, đồng thời có một số so sánh với quy định của pháp luật Đầu tư và Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP).

Trong bối cảnh Việt Nam đã và đang tham gia xây dựng, ký kết các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, các nghiên cứu về Hiệp định thương mại tự do là hết sức cần thiết, giúp cho Việt Nam có được những định hướng mới, sâu sắc và toàn diện về các thuận lợi và khó khăn trong tiến trình thực hiện hóa các FTA, đặc biệt là chế định giải quyết tranh chấp đầu tư – chế định có xu hướng áp dụng

cao khi đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày càng gia tăng. Thông qua việc nghiên cứu về cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư, các luận văn, luận án, bài viết nêu trên đã đạt được những kết quả sau: Nghiên cứu hệ thống các vấn đề lý luận về giải quyết tranh chấp đầu tư giữa nhà đầu tư nước ngoài và nước tiếp nhận đầu tư; Chỉ ra những thuận lợi và thách thức khi Việt Nam gia nhập, ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; Phân tích chế định giải quyết tranh chấp đầu tư giữa nhà đầu tư nước ngoài và nước tiếp nhận đầu tư trong một số FTA điển hình; Đặc biệt, luận văn đã đưa ra một số biện pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp đầu tư giữa nhà đầu tư nước ngoài và chính phủ Việt Nam, mở rộng thêm về các định hướng cho doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài,... Các công trình nêu trên đã phân tích một số cơ hội và thách thức mà các Hiệp định CPTPP, EVFTA mang lại cho Việt Nam cũng như tác động của các Hiệp định này đối với môi trường đầu tư tại Việt Nam.

Tuy nhiên, một số công trình phân tích dưới khía cạnh kinh tế mà ít tập trung vào khía cạnh pháp lý, một số công trình nghiên cứu về giải quyết tranh chấp đầu tư hầu hết đều nghiên cứu cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư theo các FTA thế hệ mới mà chưa quan tâm đến việc nghiên cứu cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Toà án ở Việt Nam. Do đó, luận văn sẽ kế thừa thành tựu của các công trình nêu trên về mặt lý luận cũng như một số vấn đề về thực tiễn thực hiện pháp luật đồng thời luận văn sẽ nghiên cứu, đánh giá toàn diện các quy định của pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Toà án và đưa ra các giải pháp kiến nghị về mặt chính sách pháp luật nhằm đẩy mạnh đầu tư và hoàn thiện thể chế chính sách pháp luật của Việt Nam hiện nay nâng cao uy tín và vị thế của Toà án Việt Nam tạo niềm tin cho các nhà đầu tư khi lựa chọn cơ chế giải quyết tranh chấp là Toà án quốc gia.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ một số vấn đề lý luận về đầu tư và giải quyết tranh chấp đầu tư nói chung, vấn đề về xác định thẩm quyền quyết tranh chấp đầu tư bằng toà án Việt Nam và pháp luật áp dụng trong việc giải quyết tranh chấp đầu tư. Trên cơ sở đó tác giả sẽ chỉ ra một số giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp đầu tư nhằm thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và tạo một cơ chế pháp lý hoàn chỉnh để nâng cao vị thế và uy tín trong việc giải quyết tranh chấp đầu tư bằng toà án quốc gia của Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để hoàn thành mục đích nghiên cứu, tác giả đề ra một số nhiệm vụ sau đây:

- Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận về giải quyết tranh chấp đầu tư.
- Phân tích và đánh giá cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư bằng toà án ở Việt Nam và vấn đề áp dụng pháp luật để giải quyết tranh chấp đầu tư.
- Đánh giá thực tiễn giải quyết tranh chấp đầu tư bằng toà án, nêu nguyên nhân của thực trạng giải quyết tranh chấp đầu tư bằng toà án và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản về đầu tư, các hình thức đầu tư; giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Toà án ở Việt Nam trong bối cảnh thực thi các FTA thế hệ mới.

- Nghiên cứu một số điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các văn bản pháp luật Việt Nam đặc biệt là Luật Đầu tư năm 2020, Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư, Bộ luật Dân sự, Bộ Luật Tố tụng dân sự và các văn bản liên quan.

- Nghiên cứu thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Toà án ở Việt Nam.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Nghiên cứu các quy định của Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA (IPA),... về cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư và cam kết đầu tư của Việt Nam. Nghiên cứu quy định của pháp luật Việt Nam về cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Toà án và pháp luật áp dụng để giải quyết tranh chấp đầu tư.

- Về thời gian: Từ năm 2017 đến năm 2021.

- Về địa bàn: Trên phạm vi cả nước.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Các vấn đề khoa học của đề tài được giải quyết theo phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác - Lênin.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Để làm rõ các vấn đề nghiên cứu, luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê, phương pháp khảo sát thực tiễn và đánh giá, phương pháp phân tích.... Cụ thể, như sau:

- Phương pháp phân tích được sử dụng ở tất cả các chương, mục của luận văn khi nghiên cứu các vấn đề lý luận về đầu tư, đánh giá thực trạng giải quyết tranh chấp đầu tư.

- Phương pháp thống kê được sử dụng để tập hợp, xử lý các tài liệu, số liệu liên quan đến giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Tòa án
- Phương pháp chứng minh được sử dụng để làm sáng tỏ các luận điểm, các nhận định về thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư.
- Phương pháp tổng hợp, quy nạp được sử dụng chủ yếu trong việc đưa ra những nhận định, kết luận của từng chương và kết luận chung của luận văn.
- Phương pháp đánh giá được sử dụng để đánh giá cơ chế và pháp luật áp dụng để giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Tòa án ở Việt Nam hiện nay.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- Luận văn cung cấp một cơ sở lý luận về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng tòa án ở Việt Nam. Góp phần nâng cao kiến thức lý luận về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng tòa án ở Việt Nam so với các cơ chế giải quyết tranh chấp trong các FTA.
- Đóng góp vào quá trình xây dựng và hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng tòa án nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam giúp các nhà đầu tư yên tâm và tin tưởng khi lựa chọn cơ chế giải quyết tranh chấp bằng tòa án Việt Nam.

7. Kết cấu của luận văn.

Luận văn ngoài phần mở đầu và phần kết luận thì được chia thành 3 chương với nội dung như sau:

Chương 1. Những vấn đề lý luận pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Tòa án ở Việt Nam.

Chương 2. Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Tòa án và thực tiễn thực hiện tại Việt Nam.

Chương 3. Định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Tòa án ở Việt Nam.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ BẰNG TOÀ ÁN Ở VIỆT NAM

1.1. Khái quát về tranh chấp đầu tư

1.1.1. Khái niệm về đầu tư

Khái niệm đầu tư theo cách hiểu phổ thông là việc “bỏ nhân lực, tài lực, vật lực vào công việc gì, dựa trên cơ sở tính toán hiệu quả kinh tế, xã hội”.

Dưới góc độ pháp lý, thì đầu tư là việc nhà đầu tư bỏ vốn, tài sản theo nhiều hình thức và cách thức do pháp luật quy định để thực hiện hoạt động nhằm mục đích lợi nhuận hay lợi ích kinh tế, xã hội khác.

Theo khoản 8 Điều 3 Luật Đầu tư năm 2020 quy định: “Đầu tư kinh doanh là việc nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư ra để thực hiện các hoạt động kinh doanh” như thông qua việc thành lập tổ chức kinh tế; mua cổ phần, đầu tư góp vốn, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức hợp đồng hoặc thực hiện dự án đầu tư.

Như vậy, chủ thể của hoạt động đầu tư có thể là nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài, (tổ chức kinh tế trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bỏ vốn ra để thực hiện các hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam).

1.1.2. Các hình thức đầu tư hiện nay

Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ 01/01/2021 đã dành hẳn Điều 21 liệt kê các hình thức đầu tư, bao gồm:

- Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế.
- Đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp.
- Thực hiện dự án đầu tư.
- Đầu tư theo hình thức BCC.
- Các hình thức đầu tư, loại hình tổ chức kinh tế mới theo quy định của

Chính phủ.

Như vậy, trước sự phát triển không ngừng của nền kinh tế, các quy định pháp luật đưa ra cũng không còn mang tính rập khuôn, bó hẹp nữa mà luôn là quy định mở cho thấy chính phủ Việt Nam đã sẵn sàng cởi mở chào đón các hình thức đầu tư, loại hình kinh tế mới xuất hiện trong tương lai. Nhìn chung quy định đầu tư của Việt Nam rất thông thoáng, nhiều ưu đãi và ngày càng hoàn thiện là cơ hội tốt cho nhà đầu tư muốn đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.

1.2. Pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Tòa án

1.2.1. Khái niệm, đặc điểm về giải quyết tranh chấp đầu tư

1.2.1.1. Khái niệm giải quyết tranh chấp đầu tư

Như vậy, giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư kinh doanh là phương thức giúp giải quyết các tranh chấp về quyền, lợi ích và nghĩa vụ hợp pháp phát sinh giữa các chủ thể khi tham gia đầu tư vốn để thực hiện hoạt động kinh doanh bằng việc thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức hợp đồng hoặc thực hiện dự án đầu tư.

1.2.1.2. Đặc điểm của giải quyết tranh chấp đầu tư

Thứ nhất, Giải quyết tranh chấp đầu tư khác với việc giải quyết các tranh chấp kinh doanh, thương mại thông thường bởi chủ thể tham gia vào việc giải quyết các tranh chấp đầu tư thương là các nhà đầu tư với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan giải quyết tranh chấp trong trường hợp giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Tòa án chính là Tòa án của quốc gia tiếp nhận đầu tư.

Thứ hai, Cơ sở pháp lý để giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và quốc gia tiếp nhận đầu tư bao gồm luật nội dung và luật hình thức.

Ngoài ra, do các hoạt động đầu tư thường có thời gian đầu tư dài, các hoạt động đầu tư thường phức tạp liên quan đến nhiều vấn đề khác nhau của hoạt động đầu tư nên tùy theo từng loại chủ thể tranh chấp mà giải quyết tranh chấp đầu tư sẽ có những đặc điểm khác biệt khác.

1.2.2. Khái niệm, đặc điểm pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Tòa án

1.2.2.1. Khái niệm pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Tòa án

Tòa án là phương thức giải quyết tranh chấp tại cơ quan xét xử nhân danh quyền lực nhà nước, được tiến hành theo trình tự, thủ tục nghiêm ngặt, chặt chẽ và bản án hay quyết định của Tòa án về vụ tranh chấp nếu không có sự tự nguyện tuân thủ sẽ được đảm bảo thi hành bằng sức mạnh cưỡng chế của nhà nước,...

Như vậy, pháp luật giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Tòa án là toàn bộ các quy phạm pháp luật, trình tự thủ tục giải quyết tại Tòa án các tranh chấp phát sinh từ hoạt động đầu tư kinh doanh giữa các chủ thể khi tham gia đầu tư vốn để thực hiện hoạt động kinh doanh bằng việc thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức hợp đồng hoặc thực hiện dự án đầu tư.

1.2.2.2. Đặc điểm của giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Tòa án

Thẩm quyền của Tòa án đối với các tranh chấp đầu tư được quy định tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (các Hiệp định thương mại tự do, các

điều ước quốc tế về đầu tư), Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật đầu tư,... Thẩm quyền của Tòa án Việt Nam đối với các tranh chấp đầu tư có các đặc điểm sau:

Thứ nhất: Căn cứ để xác định thẩm quyền của Tòa án đối với các tranh chấp đầu tư thường dựa trên nhiều căn cứ khác nhau (điều này phụ thuộc vào pháp luật của từng quốc gia, các điều ước quốc tế mà quốc gia ký kết).

Thứ hai: Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Tòa án quốc gia phải tuân theo trình tự, thủ tục tố tụng trong pháp luật tố tụng của quốc gia có Tòa án giải quyết tranh chấp.

Thứ ba: Tòa án có thể áp dụng điều ước quốc tế, tập quán quốc tế hay pháp luật nước ngoài để giải quyết các tranh chấp đầu tư mà một bên là nhà đầu tư nước ngoài.

1.2.3. Một số loại tranh chấp và cơ sở phát sinh tranh chấp trong hoạt động đầu tư

- *Tranh chấp giữa các nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.*

- *Tranh chấp giữa nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam.*

- *Tranh chấp giữa các nhà đầu tư trong đó có ít nhất một bên là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh;...¹*

- *Tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam trên cơ sở điều ước quốc tế về đầu tư (Đầu tư quốc tế).*

1.3. Nội dung pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Tòa án

1.3.1. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp đầu tư của Tòa án

Thẩm quyền giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Tòa án có thể được quy định trong các điều ước quốc tế về đầu tư và Các điều ước quốc tế về đầu tư chỉ quy định về cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư giữa nhà đầu tư nước ngoài với chính phủ nước tiếp nhận đầu tư.

¹ Theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư năm 2020 tổ chức kinh tế phải đáp ứng một trong các điều kiện
a) Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh;
b) Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;
c) Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

Thông thường, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ được lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp, hoặc giải quyết tại tòa án của nước nhận đầu tư, hoặc giải quyết tranh chấp tại trọng tài quốc tế để tìm kiếm sự bảo vệ trước các hành vi vi phạm của nước nhận đầu tư.²

Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam được quy định

Thẩm quyền giải quyết các tranh chấp đầu tư vừa được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vừa được quy định tại Điều 14 Luật đầu tư năm 2020.

Như vậy, theo quy định của pháp luật Việt Nam các tranh chấp trong hoạt động đầu tư sẽ tùy theo từng loại tranh chấp mà pháp luật có quy định về thẩm quyền giải quyết. Trong trường hợp các bên khởi kiện ra Tòa án Việt Nam, đối với những tranh chấp có yếu tố nước ngoài Tòa án sẽ căn cứ vào quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan để giải quyết (trình tự thủ tục sẽ áp dụng quy định của pháp luật tố tụng)

1.3.2. Pháp luật áp dụng để giải quyết các tranh chấp đầu tư

- Đối với các tranh chấp đầu tư trong nước, pháp luật Việt Nam không cho phép các bên tranh chấp được thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng vì vậy, pháp luật được Tòa án áp dụng để giải quyết tranh chấp sẽ là pháp luật Việt Nam.

- Đối với trường hợp tranh chấp đầu tư có yếu tố nước ngoài, khoản 5 Điều 4 Luật Đầu tư năm 2020 quy định: Đối với hợp đồng trong đó có ít nhất một bên tham gia là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư, các bên có thể thỏa thuận trong hợp đồng việc áp dụng pháp luật nước ngoài hoặc tập quán đầu tư quốc tế nếu thỏa thuận đó không trái với quy định của pháp luật Việt Nam.

- Đối với trường hợp tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và quốc gia tiếp nhận đầu tư luật nội dung trong giải quyết tranh chấp khi nhà đầu tư khởi kiện chính phủ liên quan đến các cam kết về nghĩa vụ của quốc gia tiếp nhận đầu tư thì Luật nội dung chính là các cam kết của chính phủ trong các điều ước quốc tế về đầu tư.

² Trần Thị Hồng Nhung (2019), Lý luận và thực tiễn giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và quốc gia tiếp nhận đầu tư: Áp dụng đối với Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr81.

Kết luận chương 1

Các tranh chấp đầu tư phát sinh từ các hoạt động đầu tư của các chủ thể đầu tư bao gồm các nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài,... luận văn nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận cho việc giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Toà án, luận văn kế thừa kết quả của những công trình trước đó, đồng thời phát triển làm rõ đặc điểm giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Toà án quốc gia so với cơ chế khác. Phân loại tranh chấp và làm rõ đặc trưng của pháp luật trong việc giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Toà án. Đây sẽ là cơ sở lý luận quan trọng để đánh giá thực trạng giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Toà án ở chương 2 của Luận văn.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ BẰNG TOÀ ÁN VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI VIỆT NAM

2.1. Thực trạng thẩm quyền và thực tiễn thực hiện thẩm quyền của Toà án Việt Nam giải quyết tranh chấp đầu tư

2.1.1. Đối với tranh chấp giữa các nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam.

Theo pháp luật Việt Nam, tranh chấp tranh chấp giữa các nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam các bên có quyền lựa chọn Toà án Việt Nam hoặc Trọng tài Việt Nam để giải quyết tranh chấp phát sinh. Trong trường hợp, nếu các bên có thoả thuận lựa chọn Toà án Việt Nam hoặc các bên không có thoả thuận lựa chọn Trọng tài thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án Việt Nam. Với quy định này thì các bên không có thẩm quyền thoả thuận lựa chọn cơ quan tài phán quốc tế, cũng như Toà án hoặc Trọng tài nước ngoài để giải quyết tranh chấp. Cơ quan có thẩm quyền chỉ có thể là Toà án Việt Nam hoặc Trọng tài Việt Nam tùy theo thoả thuận của các bên.

Khoản 2 Điều 97 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) năm 2020 cũng có quy định: Tranh chấp giữa cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng với nhà đầu tư trong nước hoặc doanh nghiệp dự án PPP do nhà đầu tư trong nước thành lập; tranh chấp giữa các nhà đầu tư trong nước; tranh chấp giữa

nhà đầu tư trong nước hoặc doanh nghiệp dự án PPP do nhà đầu tư trong nước thành lập với các tổ chức kinh tế Việt Nam được giải quyết tại Trọng tài Việt Nam hoặc Tòa án Việt Nam.

Đối với các tranh chấp đầu tư không có yếu tố nước ngoài, các bên chỉ có thể thoả thuận cơ quan giải quyết tranh chấp trong nước.

2.1.2. Tranh chấp giữa các nhà đầu tư trong đó có ít nhất một bên là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế³.

Trong trường hợp này là tranh chấp giữa các nhà đầu tư với nhau (trong đó có ít nhất một bên là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài), pháp luật Việt Nam cho phép các bên tranh chấp được quyền lựa chọn một trong các cơ quan, tổ chức: Tòa án Việt Nam; Trọng tài Việt Nam; Trọng tài nước ngoài; Trọng tài quốc tế; Trọng tài do các bên tranh chấp thỏa thuận thành lập. Nếu các bên có thoả thuận lựa chọn Tòa án Việt Nam hoặc các bên không có thoả thuận lựa chọn Trọng tài thì Tòa án Việt Nam sẽ có thẩm quyền giải quyết.

Với quy định này, các bên sẽ không có quyền thoả thuận lựa chọn Tòa án nước ngoài và Tòa án nước ngoài sẽ không có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về đầu tư trên lãnh thổ Việt Nam.

2.1.3. Tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam.

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam được giải quyết thông qua Trọng tài Việt Nam hoặc Tòa án Việt Nam, nhưng nếu các bên trong hợp đồng có thoả thuận khác hoặc điều ước quốc tế quy định khác thì các bên tranh chấp có thể khởi kiện theo cơ chế giải quyết các bên đã thoả thuận trong hợp đồng hoặc cơ chế quy định trong điều ước quốc tế.

Theo đó, chỉ trong trường hợp nếu không có điều ước quốc tế thì tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam được giải quyết thông qua Trọng tài Việt Nam hoặc Tòa án Việt Nam. Các bên có quyền thoả thuận lựa chọn Tòa án Việt Nam hoặc Trọng tài Việt Nam trong trường hợp này, nếu các bên có thoả thuận lựa chọn Tòa án hoặc không có thoả thuận lựa chọn Trọng tài thì Tòa án Việt Nam sẽ có thẩm quyền giải quyết.

³Quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư năm 2014

Trong thực tiễn, khi xác định thẩm quyền của Toà án Việt Nam giải quyết các tranh chấp đầu tư (trừ các tranh chấp đầu tư giữa nhà đầu tư nước ngoài với nhà nước được quy định trong các điều ước quốc tế về đầu tư hay trong các hợp đồng đầu tư đã có thoả thuận rõ ràng việc lựa chọn Toà án Việt Nam để giải quyết tranh chấp phát sinh) thì đối với các trường hợp khác khi các bên tranh chấp khởi kiện ra Toà án thì Toà án phải căn cứ vào quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự, Luật Đầu tư,... để xác định thẩm quyền của Toà án Việt Nam. Một số vấn đề còn bất cập, hạn chế trong việc xác định thẩm quyền của Toà án.

Ngoài ra, trong khi Luật Đầu tư năm 2020 quy định các bên phải giải quyết tranh chấp đầu tư bằng phương thức thương lượng, hoà giải trước khi khởi kiện ra Toà án hoặc Trọng tài thì Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020 không quy định thương lượng, hoà giải là phương thức giải quyết bắt buộc trước khi các bên khởi kiện ra Toà án hay Trọng tài.

2.2. Thực trạng pháp luật áp dụng và thực tiễn thực hiện pháp luật để giải quyết các tranh chấp đầu tư

2.2.1. Đối với trường hợp nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế khởi kiện cơ quan nhà nước

Những trường hợp này nhà đầu tư thường khởi kiện cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến các hợp đồng đầu tư được ký kết giữa nhà đầu tư với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Luật áp dụng để giải quyết là các quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật quốc gia bởi theo quy định của pháp luật Việt Nam các tranh chấp đầu tư trong nước các bên không được quyền thoả thuận lựa chọn pháp luật áp dụng. Pháp luật nước ngoài, các tập quán đầu tư quốc tế hay các điều ước quốc tế không được áp dụng để giải quyết các tranh chấp phát sinh bởi nhà đầu tư trong nước không phải là đối tượng được bảo hộ về đầu tư theo các cam kết đầu tư quốc tế.

2.2.2. Đối với trường hợp nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện chính phủ Việt Nam

Trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam đã ký kết nhiều điều ước song phương, đa phương về khuyến khích và bảo hộ đầu tư với nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ, góp phần tăng cường thu hút đầu tư, tăng nhanh dòng vốn đầu tư vào Việt Nam cũng như tiếp thu, học hỏi các tiến bộ khoa học kỹ thuật từ các nước tiên tiến. Các dự án đầu tư vào nước ta ngày càng phong phú, đa dạng về lĩnh vực, loại hình, quốc tịch của nhà đầu tư. Theo đó, quá trình hợp tác đầu tư sẽ không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót, đặc biệt có một số nhà đầu tư nước ngoài lợi dụng chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư và sự thiếu kinh nghiệm trong đàm phán, giao kết, phê

duyệt dự án cũng như năng lực của đội ngũ cán bộ công chức; việc thực thi pháp luật, việc ứng xử với nhà đầu tư còn nhiều hạn chế, vì vậy việc xảy ra tranh chấp với nhà đầu tư là khó tránh khỏi.

2.2.3. Đối với trường hợp ký kết các hợp đồng đầu tư giữa nhà đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tranh chấp giữa các nhà đầu tư với nhau mà trong đó có ít nhất một bên tham gia là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư

Điều 4 Luật Đầu tư năm 2020 có quy định rất mới liên quan đến việc áp dụng Luật Đầu tư và các luật có liên quan một cách cụ thể và rõ ràng, đồng thời khẳng định: Hoạt động đầu tư kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư và luật khác có liên quan.

Như đã phân tích ở mục trên, các tranh chấp đầu tư giữa nhà đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư trong trường hợp có hợp đồng đầu tư sẽ chủ yếu liên quan đến các kết về nghĩa vụ của quốc gia tiếp nhận đầu tư trong hợp đồng đầu tư. Nhà đầu tư có thể khởi kiện theo các nghĩa vụ cam kết của trong hợp đồng.

Thực tiễn, đối với tranh chấp hợp đồng đầu tư dạng này, pháp luật áp dụng cho việc giải quyết các tranh chấp này thường đã được quy định tại hợp đồng đó. Do đó, cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp áp dụng pháp luật mà các bên đã chọn. Quy định của Luật Đầu tư năm 2020 cho phép các bên được quyền thoả thuận lựa chọn Luật nước ngoài hoặc Tập quán đầu tư quốc tế nếu thoả thuận đó không trái với quy định của pháp luật Việt Nam.

Quyền lựa chọn pháp luật nước ngoài và tập quán quốc tế cũng được ghi nhận trong quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 với tư cách là luật chung điều chỉnh các quan hệ dân sự mở rộng có yếu tố nước ngoài

Ngoài ra, Luật Đầu tư và các văn bản này lại thiếu sự thống nhất. Trong khi luật đầu tư quy định “các bên có thể thỏa thuận trong hợp đồng việc áp dụng pháp luật nước ngoài hoặc tập quán đầu tư quốc tế nếu thỏa thuận đó không trái với quy định của pháp luật Việt Nam” thì luật thương mại và Bộ luật Dân sự lại quy định “nếu hậu quả của việc áp dụng không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”. Chính vì vậy, mà thiếu đi sự thống nhất rõ ràng của Luật chung và các văn bản pháp luật có liên quan, nếu áp dụng quy định của Luật Đầu tư thì phải hiểu không áp dụng pháp luật nước ngoài hoặc Tập quán đầu tư quốc tế nếu không trái với quy định của pháp luật Việt Nam là như thế nào? Rõ ràng “trái với quy định của pháp luật” và “hậu quả trái với nguyên tắc cơ bản” là hoàn toàn khác nhau. Mặt khác, không thể đảm bảo rằng pháp luật nước ngoài cũng như tập quán

đầu tư quốc tế tương thích hoàn toàn với pháp luật Việt Nam. Do đó, nếu không có quy định rõ ràng, thống nhất mọi khác biệt giữa các hệ thống pháp luật đều có thể bị coi là trái vớ quy định của pháp luật Việt Nam.⁴

Ngoài ra, cũng không tìm thấy quy định nào quy định thế nào là “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”. Điều này sẽ dẫn đến các cách hiểu và áp dụng khác nhau, thiếu sự thống nhất.

Chính các vấn đề nêu trên sẽ tạo ra các bất cập trong việc áp dụng pháp luật giải quyết các tranh chấp đầu tư, nhất là khi các bên tranh chấp thoả thuận hoặc khởi kiện ra Toà án Việt Nam. Nếu trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp không thoả đáng cũng có thể là nguyên nhân để các nhà đầu tư nước ngoài đâm đơn khởi kiện Nhà nước vì cho rằng quyền lợi của mình bị xâm phạm bởi các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2.3. Đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Toà án

2.3.1. Ưu điểm

Một là, hệ thống pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Toà án đã ngày càng kiện toàn và đầy đủ cả về Luật tố tụng và Luật nội dung để áp dụng giải quyết các tranh chấp đầu tư.

Hai là, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định về một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 26 Luật Đấu thầu. Đây là một văn bản có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh việc lựa chọn luật sư gặp nhiều vướng mắc, khó khăn.

Ba là, nhận thức của các Bộ, ngành, địa phương có sự thay đổi đáng kể theo hướng tích cực, quan tâm cập nhật thường xuyên hơn tình hình quốc tế và chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ tham gia công tác giải quyết tranh chấp quốc tế.

Bốn là, Nhà nước đã có sự quan tâm hơn trong việc giải quyết tranh chấp đầu tư.

2.3.2. Nhược điểm

Thứ nhất, hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn còn thiếu đồng bộ, chưa rõ ràng trong việc xây dựng cơ chế giải quyết tranh chấp về đầu tư. Cơ chế giải quyết

⁴ Nguyễn Mạnh Dũng (2015), Bình luận về báo cáo nghiên cứu về việc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế của Toà án, Trọng tài Việt Nam. <https://dzungsrt.com/category/co-so-du-lieu/an-pham-vi/ebook/>. Truy cập ngày 10/2/2022.

tranh chấp theo quy định của pháp luật Việt Nam không có sự thống nhất mà nằm trong các văn bản pháp luật khác nhau dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng để giải quyết (Luật Đầu tư, Luật PPP, Bộ luật tố tụng dân sự),... dẫn đến việc áp dụng rất khó khăn trong thực tiễn.

Thứ hai, các tranh chấp đầu tư thường rất phức tạp, đặc biệt là các tranh chấp đầu tư quốc tế. Do đặc thù của các tranh chấp đầu tư liên quan đến các vấn đề khác nhau nên Luật áp dụng rất đa dạng và phức tạp (Cam kết của các quốc gia tại Các Điều ước quốc tế; Quy định của pháp luật quốc gia về đảm bảo đầu tư, các quy định trong các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan; Các tập quán đầu tư quốc tế,...).

Thứ ba, mặc dù một số văn bản quy phạm pháp luật đã có quy định về thẩm định dự án đầu tư, tuy nhiên việc rà soát, đánh giá việc thực hiện các cơ chế lựa chọn, sàng lọc nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài ngay từ khi nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội đầu tư tại Việt Nam chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến việc một số nhà đầu tư thiếu năng lực thực hiện dự án, một số nhà đầu tư thiếu thiện chí trong cam kết đầu tư vào Việt Nam.

Thứ tư, vấn đề về năng lực, kinh nghiệm quản lý đầu tư ở các địa phương còn hạn chế, chưa đồng đều, và ở nhiều nơi còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước. Việc thiếu chặt chẽ về pháp lý khi ký kết các thỏa thuận, hợp đồng đầu tư, chưa lường trước được tác hại của các cam kết quá mức trong quá trình quảng bá, xúc tiến đầu tư.

Thứ năm, hầu hết trong các báo cáo tổng kết hàng năm của ngành Tòa án đều không coi tiêu chí yếu tố nước ngoài để thống kê trong báo cáo. Do đó, rất khó khăn để tiếp cận với các báo cáo thống kê số vụ tranh chấp đầu tư được giải quyết bởi Tòa án Việt Nam, cũng như cách thức áp dụng pháp luật để giải quyết tranh chấp đầu tư của Tòa án (đặc biệt là các tranh chấp đầu tư có yếu tố nước ngoài).

Kết luận chương 2

Thứ nhất, Luận văn đã đánh giá thực trạng pháp luật về thẩm quyền của Tòa án giải quyết các tranh chấp đầu tư theo các điều ước quốc tế về đầu tư và tập trung vào các quy định của pháp luật Việt Nam về thẩm quyền của Tòa án quốc gia.

Thứ hai, luận văn phân tích thực trạng áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp đầu tư

Trong thực tế đã có nhiều vụ kiện xảy ra, trong đó nhà đầu tư nước ngoài đã khởi kiện quốc gia tiếp nhận đầu tư do những hành động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong nhà nước đó ra cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ngoài ra, pháp luật áp dụng giải quyết tranh chấp đầu tư có yếu tố nước ngoài còn nhiều bất cập trong việc cho phép lựa chọn pháp luật áp dụng và xác định pháp luật nước ngoài theo sự thoả thuận của các bên để giải quyết tranh chấp. Điều này sẽ khiến việc giải quyết tranh chấp bằng Tòa án gặp nhiều khó khăn khi áp dụng pháp luật để giải quyết tranh chấp đầu tư.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ BẰNG TOÀ ÁN Ở VIỆT NAM

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng tòa án

3.1.1. Quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước

Quan điểm của Đảng và Nhà nước về đầu tư có sự thống nhất xuyên suốt trong các giai đoạn và thời kỳ phát triển của đất nước. Tích cực, chủ động hội nhập quốc tế nói chung và hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước Việt Nam và đã được ghi nhận trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng. Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam năm đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (Nghị quyết số 48-NQ/TW) đã khẳng định chủ trương “Tiếp tục ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư, tín dụng quốc tế, sở hữu trí tuệ, thuế quan, bảo vệ môi trường”.

Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 về hội nhập quốc tế trong đó nhấn mạnh một trong những định hướng chủ yếu là “Xây dựng và triển khai chiến lược,

tham gia các khu vực mậu dịch tự do với các đối tác kinh tế - thương mại quan trọng trong một kế hoạch tổng thể với lộ trình hợp lý, phù hợp với lợi ích và khả năng của đất nước”.

Nghị quyết số 50-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 20/8/2019 về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030, trong đó một lần nữa khẳng định mục tiêu “Hoàn thiện thể chế, chính sách hợp tác đầu tư nước ngoài có tính cạnh tranh cao, hội nhập quốc tế; đáp ứng yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, bảo vệ môi trường, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Khắc phục căn bản những hạn chế, bất cập đang tồn tại trong xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện thể chế, chính sách về hợp tác đầu tư nước ngoài. Tạo lập môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh thuộc nhóm ASEAN 4 trước năm 2021, thuộc nhóm ASEAN 3 trước năm 2030.”

Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 một lần nữa khẳng định “thống nhất chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức quán triệt, triển khai, cụ thể hóa Nghị quyết 50-NQ/TW, tạo sự chuyển biến rõ rệt trong nhận thức và hành động về tầm quan trọng của việc hoàn thiện thể chế, chính sách nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài”.

3.1.2. Đáp ứng yêu cầu thực tiễn hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Tòa án

Tính đến nay, Việt Nam cũng đã ký 67 hiệp định khuyến khích, bảo hộ đầu tư song phương (BIT) và nhiều hiệp định đầu tư khu vực, hiệp định đối tác kinh tế có quy định về bảo hộ đầu tư. Thêm vào đó, Chính phủ và các cơ quan nhà nước cũng đã tham gia vào nhiều giao dịch kinh tế, thương mại thông qua việc ký kết nhiều thỏa thuận, hợp đồng đầu tư với nhà đầu tư nước ngoài.⁵

Cùng với quá trình hội nhập quốc tế, đầu tư nước ngoài vào Việt Nam cũng phát triển một cách nhanh chóng. Tính đến ngày 20/3/2020, Việt Nam có tất cả

⁵ Số liệu được đăng tải tại trang thông tin điện tử của Hội nghị Liên Hiệp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) tại <https://investmentpolicy.unctad.org/country-navigator/237/viet-nam>, truy cập lần cuối ngày 26/5/2020

31.665 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài còn hiệu lực với tổng số vốn đăng ký là 370 tỷ USD.

Trong bối cảnh hội nhập, Việt Nam cũng đã ký kết và tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA). Sự ra đời của các FTA và FTA thế hệ mới là xu hướng tất yếu mà các nước, trong đó có Việt Nam nếu muốn tiếp tục phát triển bền vững. Đặc biệt là 2 FTA thế hệ mới là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại Tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA),.... Cũng như tất cả các điều ước quốc tế khác, FTA thế hệ mới mang đến cho Việt Nam và các nước tham gia những tác động tích cực lẫn tiêu cực.

Trong năm 2020, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Công văn số 132/TANDTC-HTQT ngày 27/8/2020 yêu cầu các Tòa án cấp tỉnh, Tòa án cấp cao báo cáo về việc áp dụng pháp luật nước ngoài trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự và đề xuất các biện pháp, giải pháp tháo gỡ, khó khăn, vướng mắc, bất cập (nếu có).

Tuy nhiên, pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư vẫn còn tồn tại những bất cập và hạn chế nhất định cần tiếp tục hoàn thiện theo đó cần có các định hướng sau:

Thứ nhất, xây dựng các chế định pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Toà án cần phải đảm bảo nguyên tắc toàn diện, đồng bộ giữa các văn bản pháp luật trong nước với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, phù hợp với các tiêu chuẩn và cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế để tạo nên tính đồng bộ của pháp luật cũng như hài hoà hoá với các cam kết quốc tế.

Thứ hai, kế thừa những quy định tiên bộ, định hướng, hoàn thiện bổ sung cũng như tham khảo các quy định của pháp luật các nước trên thế giới để xây dựng hệ thống pháp luật trong nước theo hướng hiện đại, phù hợp với đòi hỏi chung của thế giới và tình hình Việt Nam. Tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới để nghiên cứu phù hợp với tình hình Việt Nam.

Thứ ba, việc hoàn thiện chính sách pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Toà án phải theo hướng đẩy mạnh chính sách đối ngoại mà Đảng và Nhà nước ta đang triển khai, trên tinh thần Việt Nam muốn làm bạn với các nước trên thế giới, thúc đẩy các giao lưu dân sự phát triển.

Thứ tư, xây dựng các thiết chế, thể chế hỗ trợ tư pháp, tạo cơ chế đồng bộ, phối hợp một cách có hiệu quả giữa các cơ quan hỗ trợ tư pháp với Toà án, góp phần tạo một môi trường pháp lí đồng bộ.

Thứ năm, hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Tòa án cần phù hợp với thực tiễn. Pháp luật bắt nguồn từ thực tiễn vận động của các quan hệ xã hội theo một trình tự nhất định. Vì vậy, nó được coi là một nguyên tắc trong việc xây dựng các quy định pháp luật nói chung và pháp luật về đầu tư nói riêng.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng tòa án

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Tòa án

Thứ nhất, rà soát tất cả các điều ước quốc tế về đầu tư mà Việt Nam đã ký kết với các quốc gia trong đó cả các Hiệp định thương mại tự do có quy định về cơ chế giải quyết tranh chấp bằng Tòa án quốc gia và các cam kết của Việt Nam về bảo hộ đầu tư trong các điều ước quốc tế. Theo đó, cần nghiên cứu để hoàn thiện pháp luật trong nước đảm bảo phù hợp với cam kết đầu tư quốc tế.

Thứ hai, đánh giá một cách tổng thể các biện pháp nhằm ngăn ngừa tranh chấp xảy ra, không thể không đề cập tới hoàn thiện pháp luật quốc gia. Đây là biện pháp phải được ưu tiên hàng đầu, đảm bảo duy trì sự chủ động trong phòng ngừa tranh chấp cho quốc gia tiếp nhận đầu tư.

Thứ ba, đưa quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp đầu tư của Tòa án vào thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam trong Bộ luật Tố tụng dân sự để tạo nên tính thống nhất và có hệ thống của pháp luật Việt Nam, tránh tản mạn và khó áp dụng.

Thứ tư, Luật Đầu tư năm 2020 cho phép các bên có quyền thỏa thuận chọn luật nước ngoài, tập quán đầu tư quốc tế để điều chỉnh các tranh chấp đầu tư có yếu tố nước ngoài, các khía cạnh liên quan đến pháp luật áp dụng được quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, không quy định về điều kiện thỏa thuận lựa chọn. Do đó, cần có quy định cụ thể về điều kiện thỏa thuận chọn luật áp dụng của các bên.

Thứ năm, quy định thống nhất giữa quy định của Luật Đầu tư, Bộ luật dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan về nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam và cần giải thích cụ thể thuật ngữ này để áp dụng một cách dễ dàng và thống nhất.

Thứ sáu, bổ sung quy định về việc áp dụng tập quán quốc tế. Trong đó, thay quy định điều kiện áp dụng tập quán là “không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” bằng quy định về điều kiện “không trái với trật tự công cộng”. Trật tự công cộng là một thuật ngữ chung của thế giới, được dùng để diễn đạt nguyên tắc bảo đảm trật tự công cộng hay không trái trật tự công cộng.

3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Toà án ở Việt Nam

Một là, đào tạo nguồn nhân lực cho giải quyết tranh chấp, cần đào tạo các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho cán bộ, công chức tham gia giải quyết tranh chấp. Như trong phần giải pháp về tuyên truyền, phổ biến... đã nêu, nhiều cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan có thể trở thành chủ thể phải tham gia vào quy trình giải quyết tranh chấp.

Hai là, tăng cường năng lực cho đội ngũ thẩm phán và cán bộ làm công tác giải quyết tranh chấp, đội ngũ thẩm phán giải quyết các tranh chấp đầu tư theo đánh giá chung hiện nay vẫn còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng chuyên môn.

Ba là, tập huấn đầy đủ các quy định của các Điều ước quốc tế, pháp luật đầu tư và các văn bản có liên quan cho đội ngũ thẩm phán, đồng thời học hỏi kinh nghiệm giải quyết tranh chấp từ các quốc gia để nâng cao năng lực và kinh nghiệm chuyên môn cho thật bài bản và chuyên nghiệp tạo niềm tin cho nhà đầu tư khi lựa chọn hoặc phải giải quyết tranh chấp bằng cơ chế toà án quốc gia.

Bốn là, trang bị cho đội ngũ công chức làm công tác đăng ký, quản lý nhà nước về đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài tại ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, trung tâm xúc tiến đầu tư, của các bộ, ngành, địa phương kiến thức, kỹ năng pháp luật đầu tư nước ngoài, cam kết đầu tư quốc tế của Việt Nam, thực tiễn quốc tế và kinh nghiệm tốt để giải quyết hiệu quả những vấn đề liên quan đến đầu tư nước ngoài nhằm phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế;

Năm là, cải thiện chương trình đào tạo Luật ở bậc đại học và các chương trình đào tạo kỹ năng nghề bằng cách đưa môn học Luật đầu tư, Luật đầu tư quốc tế, các môn kỹ năng giải quyết tranh chấp,... vào giảng dạy bắt buộc.

Sáu là, Việt Nam cần củng cố niềm tin cho các nhà đầu tư, tổ chức tín dụng nước ngoài thông qua việc xét xử những vụ án cụ thể, tạo án lệ tốt để các nhà đầu tư tin tưởng lựa chọn khi giải quyết tranh chấp phát sinh.

Kết luận chương 3

Luận văn đã chỉ ra một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Toà án ở Việt Nam hiện nay. Theo đó

Cần rà soát các điều ước quốc tế về đầu tư và các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết để từ đó xây dựng các kế hoạch để đàm phán các điều ước quốc tế sau này cũng như xác định được mục tiêu, nhiệm vụ cũng như cơ sở pháp lý và pháp luật nội dung được áp dụng để giải quyết tranh chấp đầu tư có yếu tố nước ngoài (đầu tư quốc tế).

Cần rà soát các văn bản pháp luật trong nước và thực hiện một cách tổng thể cả ở khía cạnh ban hành và thực hiện. Cụ thể bao gồm: Nhóm quy định pháp luật liên quan trực tiếp tới thành lập; Nhóm quy định pháp luật liên quan đến thủ tục nhằm đảm bảo không từ chối công lý.

Cần quy định thống nhất giữa các văn bản pháp luật trong nước về thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các quy định của pháp luật nội dung để giải quyết các tranh chấp đầu tư.

KẾT LUẬN

Luận văn nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận cho việc giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Toà án, luận văn kế thừa kết quả của những công trình trước đó, đồng thời phát triển làm rõ đặc điểm giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Toà án quốc gia so với cơ chế khác. Phân loại tranh chấp và làm rõ đặc trưng của pháp luật trong việc giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Toà án.

Luận văn đã đánh giá thực trạng pháp luật về thẩm quyền của Toà án giải quyết các tranh chấp đầu tư theo các điều ước quốc tế về đầu tư và tập trung vào các quy định của pháp luật Việt Nam về thẩm quyền của Toà án quốc gia. Luận văn dựa vào một số vụ việc trong thực tiễn để đánh giá cơ chế giải quyết tranh chấp bằng Toà án quốc gia.

Luận văn phân tích thực trạng áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp đầu tư. Trong thực tế đã có nhiều vụ kiện xảy ra, trong đó nhà đầu tư nước ngoài đã khởi kiện quốc gia tiếp nhận đầu tư do những hành động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong nhà nước đó ra cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Luận văn đã đưa ra một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư hiện nay, góp phần nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

